

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2015/QĐ-UBND

*Nghệ An, ngày 23 tháng 3 năm 2015*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 87/2010/QĐ-UBND ngày 16/11/2010 của UBND tỉnh về Quy định quản lý, bảo trì hệ thống đường huyện, đường xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ, số 114/2010/NĐ-CP ngày 06/12/2010 về bảo trì công trình xây dựng; số 10/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; số 18/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ, số 56/2014/NĐ-CP ngày 30 tháng 05 năm 2014 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải: số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12/12/2013 quy định về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ; số 32/2014/TT-BGTVT ngày 08/8/2014 hướng dẫn về quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 526/TTr-SGTVT ngày 19/3/2015; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 167/BCTĐ-STP ngày 09/2/2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 87/2010/QĐ-UBND ngày 16/11/2010 của UBND tỉnh về Quy định quản lý, bảo trì hệ thống đường huyện, đường xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An, như sau:

1. Bổ sung khoản 7, Điều 2 như sau:

“7. Phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ: là giới hạn phân đất dành cho đường bộ (bao gồm đất của đường bộ và đất hành lang an toàn đường bộ), quy định tại Chương V, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ.”

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 5, Điều 4 như sau:

“5. *Cấp phép thi công các công trình nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ*; Cấp phép lưu hành đặc biệt cho các loại xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bán xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng hoạt động trên các tuyến đường huyện, đường xã theo đúng quy định hiện hành.”

3. Sửa đổi Điểm 1.1, Khoản 1, Điều 5 như sau:

“1.1. Công trình cầu: Việc bảo dưỡng thường xuyên được quy định tại Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06/12/2010, Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12/12/2013 của Bộ GTVT quy định về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ”

4. Thay thế Điều 6 như sau:

**“Điều 6. Lập, phê duyệt, điều chỉnh và thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ**

**6.1.** Nội dung kế hoạch bảo trì công trình đường bộ hàng năm bao gồm: kế hoạch bảo dưỡng thường xuyên công trình, kế hoạch sửa chữa công trình đường bộ theo từng tuyến (đoạn tuyến) và các công tác khác (nếu có). Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ phải nêu được đầy đủ các thông tin sau: tên công trình, hạng mục công trình chủ yếu; đơn vị, khối lượng, kinh phí thực hiện; thời gian thực hiện; phương thức thực hiện và mức độ ưu tiên.

**6.2.** Lập, phê duyệt, điều chỉnh, tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì

a) Đối với đường huyện:

Hàng năm Phòng Công thương (Quản lý đô thị) phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch huyện lập Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ (bao gồm cả khối lượng và kế hoạch vốn) trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định; tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện theo quy định, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế.

b) Đối với đường xã:

Hàng năm ban Tài chính xã lập Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ (bao gồm cả khối lượng và kế hoạch vốn), trình Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định; tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện, phân bổ đối với từng tuyến đường xã đảm bảo hiệu quả.

c) Việc điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường bộ do Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt thực hiện việc điều chỉnh”

5. Sửa đổi, bổ sung Điểm a, Khoản 2, Điều 7 như sau:

“a) Công tác quản lý: Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện các nội dung về công tác quản lý tại khoản 1, 2, 3, 4 và 6, 7, 8 Điều 4 Quy định này.”

6. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 2, Điều 8 như sau:

“**6.1.** Hệ thống đường huyện: Được bố trí từ ngân sách huyện, các nguồn huy động, nguồn thu hợp pháp khác; nguồn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh và *nguồn Quỹ bảo trì đường bộ* (nếu có);

**6.2.** Hệ thống đường xã: Được bố trí từ ngân sách xã, các nguồn huy động, nguồn thu hợp pháp khác; nguồn hỗ trợ từ ngân sách huyện, tỉnh và *nguồn Quỹ bảo trì đường bộ* (nếu có);”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều d, Khoản 1, Điều 9 như sau:

“d) Hướng dẫn UBND cấp huyện *cấp phép thi công các công trình nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ*; cấp Giấy phép lưu hành đặc biệt cho các loại xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng đối với các tuyến đường do huyện, xã quản lý.”

8. Sửa đổi, bổ sung Khoản 4, Điều 10 như sau:

“4. *Cấp phép thi công các công trình nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ*; Cấp Giấy phép lưu hành đặc biệt cho các loại xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng hoạt động trên các tuyến đường huyện, đường xã theo hướng dẫn của Sở Giao thông vận tải và quy định hiện hành.”

9. Sửa đổi, bổ sung Khoản 5, Điều 11 như sau:

“5. Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc *Cấp phép thi công các công trình nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ*, Giấy phép lưu hành đặc biệt cho Ủy ban nhân dân cấp huyện”

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**  
**Huỳnh Thanh Điền**